ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN NAM BỘ
**ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN TỈNH AN GIANG**
Số: TVHN-267/AGIA

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*An Giang, ngày 23 tháng 9 năm 2026*

# BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THUỶ VĂN THỜI HẠN NGẮN TỈNH AN GIANG

## 1. Diễn biến tình hình thuỷ văn đã qua

Mực nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng; diễn biến xu thế mực nước trên sông Tiền, sông Hậu lên chậm, khu vực nội đồng mực nước lên chậm.

- Khu vực sông Mekong tại Kratie (Campuchia): Mực nước xuống chậm.

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước lên chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 22/9 trên các sông, kênh cao hơn cùng kỳ năm 2025 từ 15-25cm và ở mức thấp hơn TBNN từ 17-27cm. Riêng tại Khánh An, mực nước cao nhất và thấp nhất cao hơn TBNN từ 23-25cm và ở mức trên BĐ1 từ 17-24cm.

- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): Mực nước lên chậm. Mực nước cao nhất ngày 22/9 thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 07-34cm và phổ biến cao hơn TBNN từ 05-15cm. Mực nước cao nhất sông Hậu tại Long Xuyên dưới BĐ2 07cm, trên rạch Ông Chưởng tại Chợ Mới trên BĐ2 08cm.

- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các sông, kênh, rạch lên chậm do ảnh hưởng lũ thượng nguồn và mưa nội đồng. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 22/9 cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-30cm. Mực nước cao nhất tại một số trạm trên kênh Núi Chóc Năng Gù, kênh Vĩnh Tế, Tri Tôn, Ba Thê, Rạch Giá-Long Xuyên, Cái Sắn trên BĐ1 từ 10-35cm.

- Khu vực cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô xuống chậm, đỉnh triều cao nhất ngày 22/9 là 71cm (dưới BĐ1 09cm), xấp xỉ đỉnh triều ngày hôm trước

## 2. Dự báo, cảnh báo

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước trên các sông, kênh có xu thế lên chậm theo triều trong 5 ngày tới. Mực nước cao nhất tại trạm Khánh An duy trì ở mức trên BĐ1 từ 20-30cm.

- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Mực nước trên các sông, kênh, rạch có xu thế lên theo triều. Mực nước cao nhất trên sông Hậu tại Long Xuyên khả năng trên BĐ3 từ 20-30cm; trên Rạch Ông Chưởng tại Chợ Mới khả năng đạt BĐ3.

- Khu vực nội đồng TGLX: Mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch có xu thế lên chậm trong những ngày tới do ảnh hưởng lũ thượng nguồn về kết hợp mưa nội đồng và triều cường trên sông Hậu.

- Vùng cửa sông: Đỉnh triều cao nhất ngày tại trạm Xẻo Rô trên sông Cái Lớn có xu thế xuống chậm theo triều trong 4 ngày tới, sau lên lại theo kỳ triều cường.

- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Xuất hiện ngập, úng khu vực trũng thấp vùng đầu nguồn sông Tiền, sông Hậu và khu vực nội đồng TGLX. Ngập lụt vùng hạ lưu sông tại các xã Chợ Mới, Nhơn Mỹ và Mỹ Hòa Hưng; ngập lụt trong khu vực đô thị tại các phường Long Xuyên, Bình Đức và Mỹ Thới....do triều cường kết hợp mưa lớn.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Hiện tượng ngập, úng ảnh hưởng đến giao thông và hoạt động sản xuất địa phương.

**3. Ghi chú**

Thông tin dự báo được đăng trên website: http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van

**Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 24/9/2026**

**Tin phát lúc: 11h30'**

**Người chịu trách nhiệm ban hành bản tin**

**Nguyễn Thị Cẩm Loan**

# Phụ lục

## Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

*Đơn vị: cm*

| Sông, kênh, rạch | Trạm | Cấp báo động lũ (cm) | | | Giá trị ngày 22/9 | | So với 21/9 | | So với cùng kỳ 2025 | | So với TBNN | | Dự báo | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | BĐ1 | BĐ2 | BĐ3 | | | | | | | | | 23/9 | 24/9 | 25/9 | 26/9 | 27/9 |
| Tiền | Tân Châu | 350 | 400 | **450** | Hmax | **332** | 5 | ▲ | 16 | ▲ | -21 | ▼ | 340 | 345 | 350 | 355 | 360 |
| | | | | | Hmin | **309** | -1 | ◀▶ | 29 | ▲ | -18 | ▼ | 313 | 316 | 320 | 325 | 330 |
| Ông Chưởng | Chợ Mới | 200 | 250 | **300** | Hmax | **258** | 8 | ▲ | -7 | ▼ | 13 | ▲ | 272 | 284 | 292 | 298 | 300 |
| | | | | | Hmin | **210** | 3 | ▲ | 23 | ▲ | 5 | ▲ | 210 | 217 | 223 | 233 | 240 |
| Hậu | Khánh An | 420 | 470 | **520** | Hmax | **444** | 5 | ▲ | 25 | ▲ | 25 | ▲ | 446 | 448 | 444 | 440 | 438 |
| | | | | | Hmin | **437** | -1 | ◀▶ | 22 | ▲ | 23 | ▲ | 439 | 441 | 439 | 437 | 435 |
| | Châu Đốc | 300 | 350 | **400** | Hmax | **291** | 4 | ▲ | 1 | ◀▶ | -20 | ▼ | 304 | 310 | 315 | 320 | 325 |
| | | | | | Hmin | **265** | -2 | ▼ | 21 | ▲ | -27 | ▼ | 268 | 271 | 275 | 280 | 285 |
| | Long Xuyên | 190 | 220 | **250** | Hmax | **213** | 11 | ▲ | -34 | ▼ | 14 | ▲ | 235 | 253 | 267 | 275 | 280 |
| | | | | | Hmin | **147** | 2 | ▲ | 6 | ▲ | 9 | ▲ | 150 | 157 | 163 | 173 | 178 |
| Vàm Nao | Vàm Nao | 250 | 290 | **330** | Hmax | **256** | 8 | ▲ | -12 | ▼ | -4 | ▼ | 272 | 284 | 292 | 298 | 300 |
| | | | | | Hmin | **214** | 1 | ◀▶ | 16 | ▲ | -11 | ▼ | 217 | 224 | 230 | 240 | 245 |
| Vĩnh Tế | Xuân Tô | 300 | 350 | **400** | Hmax | **328** | 6 | ▲ | 58 | ▲ | 48 | ▲ | 332 | 336 | 336 | 336 | 336 |
| | | | | | Hmin | **320** | 1 | ◀▶ | 53 | ▲ | 51 | ▲ | 322 | 326 | 328 | 330 | 330 |
| | Vĩnh Gia | 200 | 240 | **280** | Hmax | **163** | 5 | ▲ | 46 | ▲ | 15 | ▲ | 165 | 167 | 169 | 171 | 173 |
| | | | | | Hmin | **157** | 5 | ▲ | 42 | ▲ | 13 | ▲ | 160 | 162 | 164 | 166 | 168 |
| | Vĩnh Điều | 170 | 200 | **230** | Hmax | **143** | 3 | ▲ | 43 | ▲ | 33 | ▲ | 145 | 147 | 149 | 151 | 153 |
| | | | | | Hmin | **138** | 5 | ▲ | 40 | ▲ | 35 | ▲ | 140 | 142 | 144 | 146 | 148 |
| T3 | Vĩnh Phú | 150 | 180 | **210** | Hmax | **125** | 3 | ▲ | 30 | ▲ | 21 | ▲ | 127 | 129 | 131 | 133 | 135 |
| | | | | | Hmin | **121** | 5 | ▲ | 28 | ▲ | 22 | ▲ | 123 | 125 | 127 | 129 | 131 |
| T5 | Nông Trường | 160 | 190 | **220** | Hmax | **132** | 2 | ▲ | 26 | ▲ | 21 | ▲ | 134 | 136 | 138 | 140 | 142 |
| | | | | | Hmin | **129** | 5 | ▲ | 23 | ▲ | 23 | ▲ | 131 | 133 | 135 | 137 | 139 |
| Tri Tôn | Tri Tôn | 200 | 240 | **280** | Hmax | **174** | 2 | ▲ | 5 | ▲ | -16 | ▼ | 178 | 182 | 188 | 194 | 200 |
| | | | | | Hmin | **170** | -1 | ◀▶ | 5 | ▲ | -17 | ▼ | 173 | 177 | 181 | 186 | 192 |
| | Cô Tô | 140 | 180 | **220** | Hmax | **172** | 2 | ▲ | 22 | ▲ | 27 | ▲ | 176 | 180 | 186 | 192 | 198 |
| | | | | | Hmin | **165** | 3 | ▲ | 18 | ▲ | 23 | ▲ | 168 | 172 | 176 | 181 | 187 |
| | Nam Thái Sơn | 90 | 120 | **150** | Hmax | **115** | 0 | ◀▶ | 17 | ▲ | 27 | ▲ | 119 | 123 | 129 | 135 | 141 |
| | | | | | Hmin | **109** | 0 | ◀▶ | 11 | ▲ | 24 | ▲ | 112 | 116 | 120 | 125 | 131 |
| Tám Ngàn | Lò Gạch | 170 | 210 | **250** | Hmax | **146** | 3 | ▲ | 29 | ▲ | -1 | ◀▶ | 150 | 154 | 162 | 170 | 178 |
| | | | | | Hmin | **141** | 4 | ▲ | 25 | ▲ | -3 | ▼ | 144 | 148 | 154 | 160 | 168 |
| Ba Thê | Vọng Thê | 140 | 180 | **220** | Hmax | **175** | 5 | ▲ | 16 | ▲ | 27 | ▲ | 180 | 184 | 190 | 196 | 202 |
| | | | | | Hmin | **165** | -1 | ◀▶ | 15 | ▲ | 21 | ▲ | 168 | 173 | 180 | 185 | 191 |
| Núi Chóc Năng Gù | Vĩnh Hanh | 190 | 230 | **270** | Hmax | **224** | 1 | ◀▶ | 6 | ▲ | 12 | ▲ | 230 | 236 | 241 | 246 | 250 |
| | | | | | Hmin | **212** | -2 | ▼ | 8 | ▲ | 8 | ▲ | 217 | 223 | 229 | 235 | 240 |
| RG-LX | Núi Sập | 140 | 180 | **220** | Hmax | **161** | 1 | ◀▶ | 3 | ▲ | 1 | ◀▶ | 165 | 169 | 173 | 177 | 180 |
| | | | | | Hmin | **147** | 0 | ◀▶ | 8 | ▲ | -5 | ▼ | 152 | 157 | 162 | 167 | 172 |

| | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| RG-LX | Tân Thành | 120 | 150 | **180** | Hmax | **131** | 5 | ▲ | 14 | ▲ | 19 | ▲ | 135 | 139 | 143 | 147 | 150 |
| | | | | | Hmin | **123** | 0 | ◀▶ | 13 | ▲ | 17 | ▲ | 128 | 132 | 136 | 140 | 144 |
| Cái Sắn | Tân Hiệp | 90 | 120 | **150** | Hmax | **104** | 4 | ▲ | 12 | ▲ | 11 | ▲ | 107 | 110 | 113 | 117 | 120 |
| | | | | | Hmin | **98** | 0 | ◀▶ | 9 | ▲ | 9 | ▲ | 101 | 104 | 107 | 111 | 115 |
| Kiên | Rạch Giá | 70 | 80 | **90** | Hmax | **63** | -4 | ▼ | 11 | ▲ | 11 | ▲ | 61 | 59 | 57 | 57 | 60 |
| | | | | | Hmin | **11** | 1 | ◀▶ | -2 | ▼ | 14 | ▲ | 13 | 15 | 17 | 14 | 11 |
| Cái Lớn | Xẻo Rô | 80 | 90 | **100** | Hmax | **71** | 0 | ◀▶ | 18 | ▲ | 21 | ▲ | 71 | 70 | 68 | 58 | 60 |
| | | | | | Hmin | **-1** | 1 | ◀▶ | -8 | ▼ | 16 | ▲ | -2 | -3 | -4 | -5 | -9 |

***Chú thích:*** ▲ *Cao hơn;* ▼ *Thấp hơn;* ◀▶ *Xấp xỉ;*

## Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm

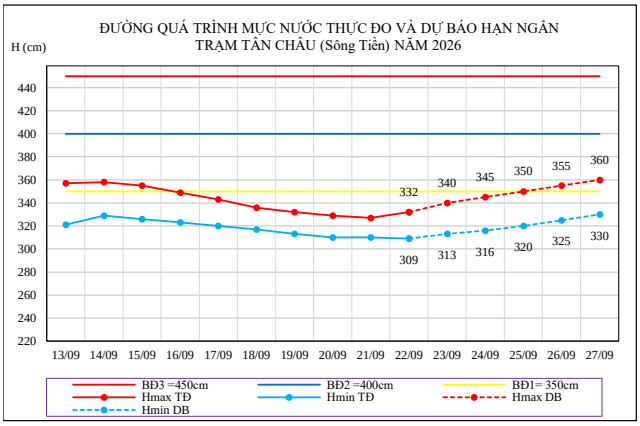


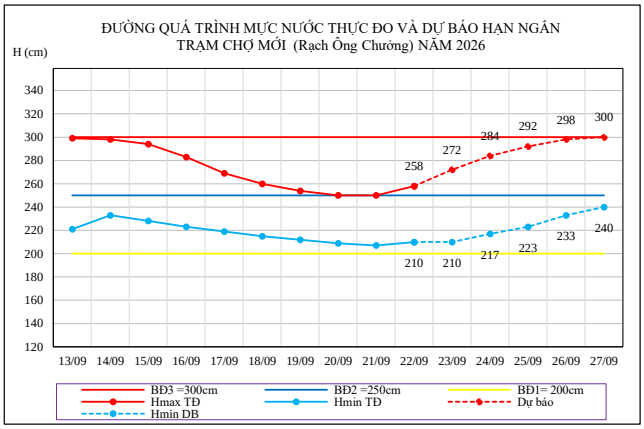


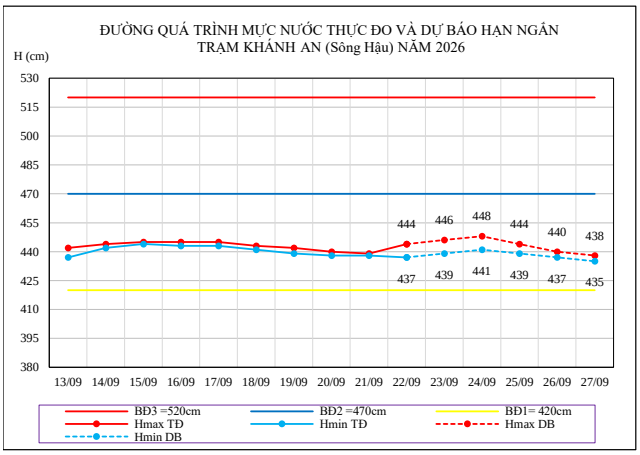


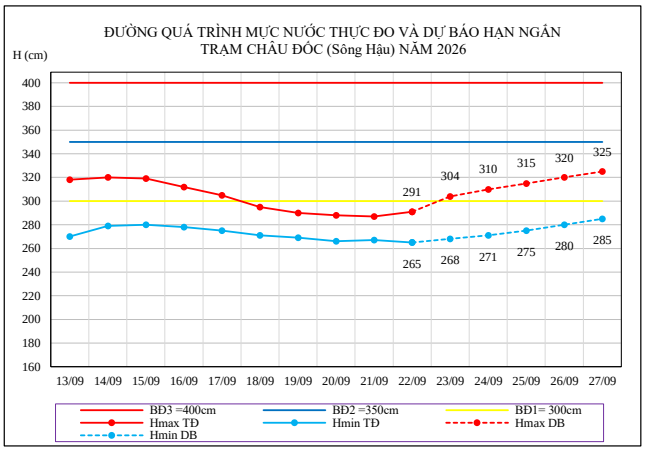


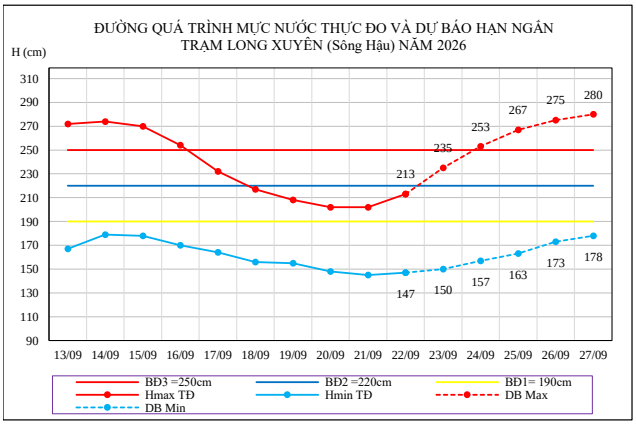


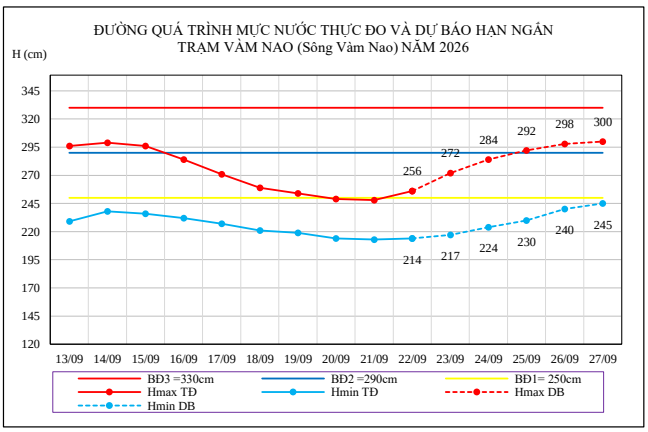

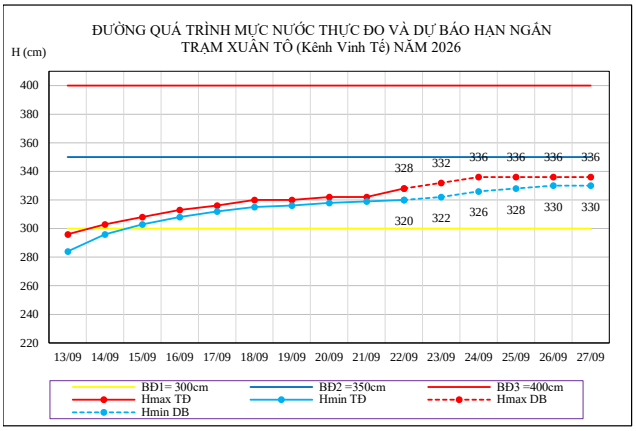
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM XUÂN TÔ (Kênh Vĩnh Tế) NĂM 2026
H (cm)
BĐ1= 300cm
BĐ2 =350cm
BĐ3 =400cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

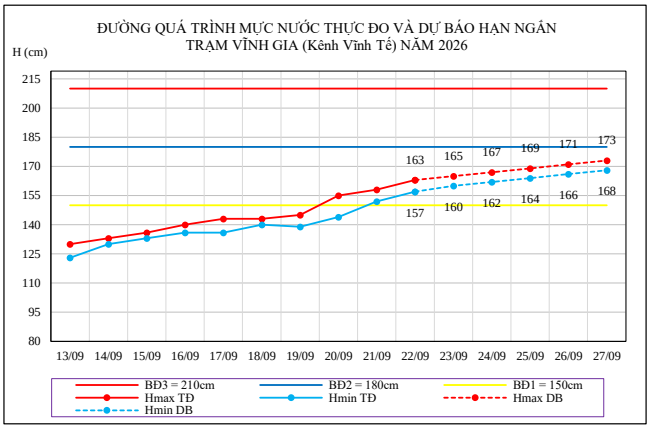
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH GIA (Kênh Vĩnh Tế) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 = 210cm
BĐ2 = 180cm
BĐ1 = 150cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

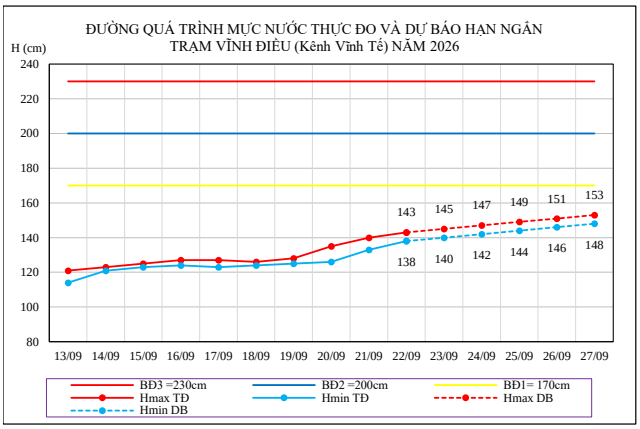
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH ĐIỀU (Kênh Vĩnh Tế) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =230cm
BĐ2 =200cm
BĐ1= 170cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

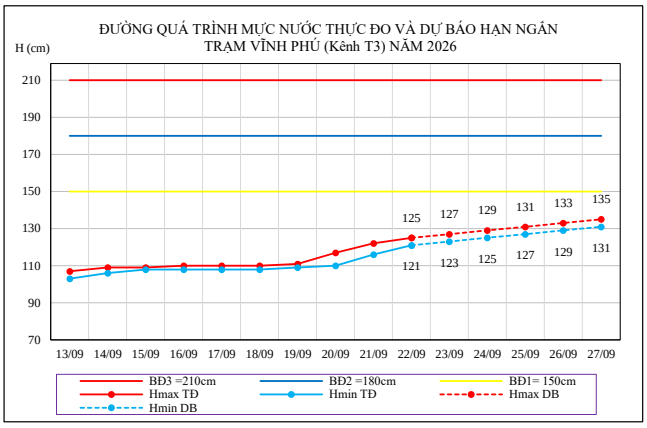
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH PHÚ (Kênh T3) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =210cm
BĐ2 =180cm
BĐ1= 150cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

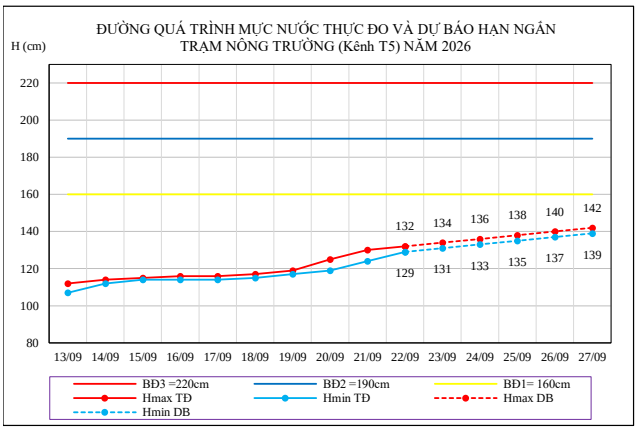
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM NÔNG TRƯỜNG (Kênh T5) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =220cm
BĐ2 =190cm
BĐ1= 160cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

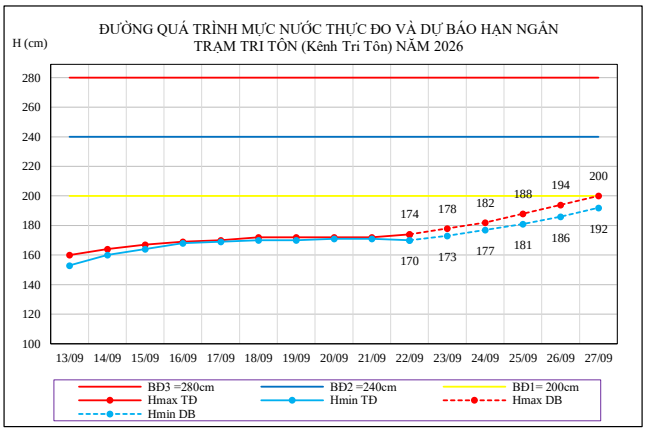
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM TRI TÔN (Kênh Tri Tôn) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =280cm
BĐ2 =240cm
BĐ1= 200cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

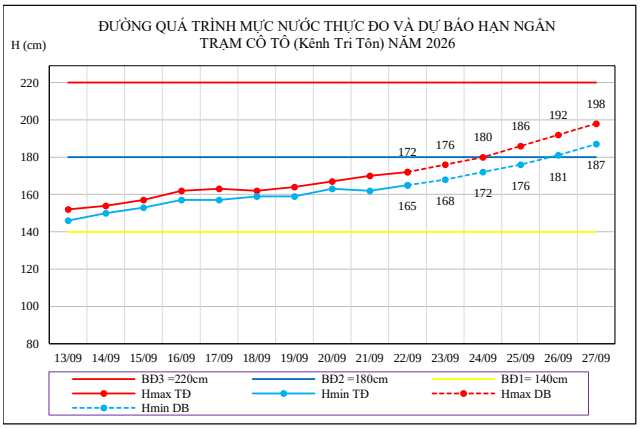
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM CÔ TÔ (Kênh Tri Tôn) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =220cm
BĐ2 =180cm
BĐ1= 140cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

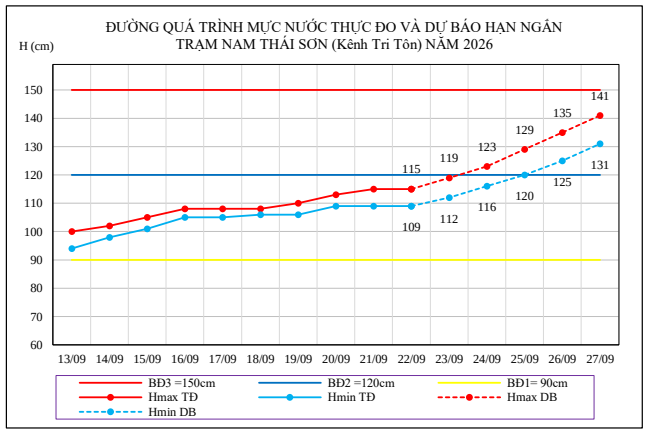
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM NAM THÁI SƠN (Kênh Tri Tôn) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =150cm
BĐ2 =120cm
BĐ1= 90cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

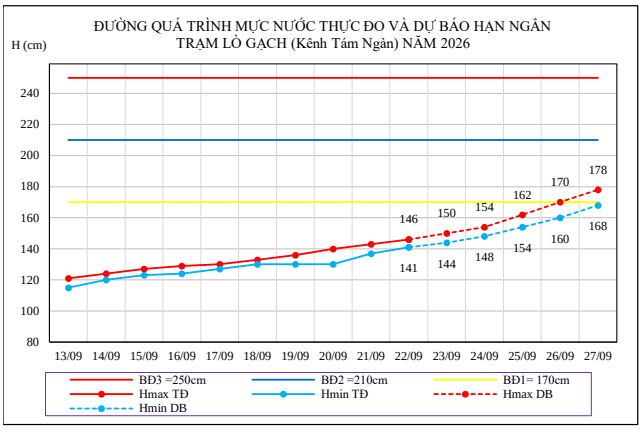
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM LÒ GẠCH (Kênh Tám Ngàn) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =250cm
BĐ2 =210cm
BĐ1= 170cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

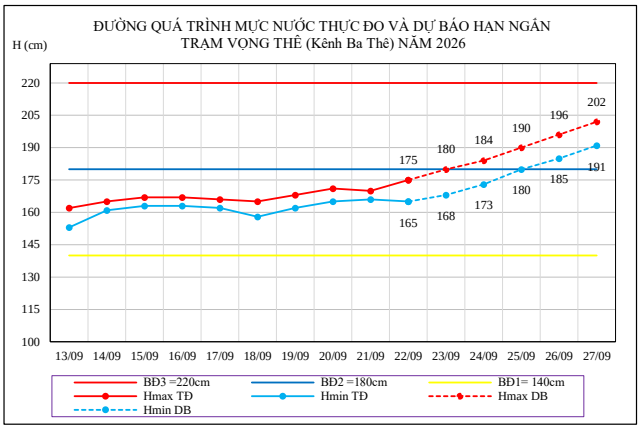
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VỌNG THÊ (Kênh Ba Thê) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =220cm
BĐ2 =180cm
BĐ1= 140cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

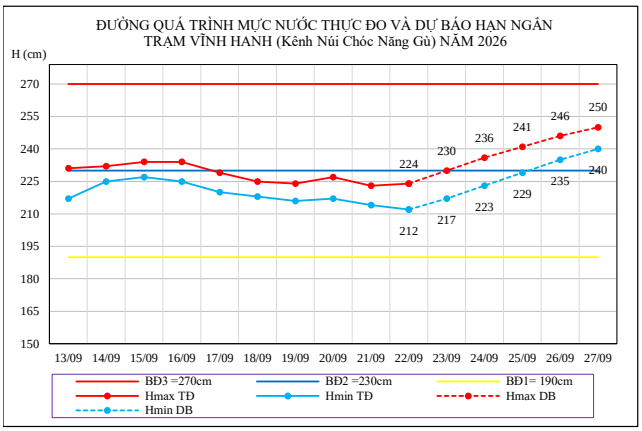
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH HANH (Kênh Núi Chóc Năng Gù) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =270cm
BĐ2 =230cm
BĐ1= 190cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

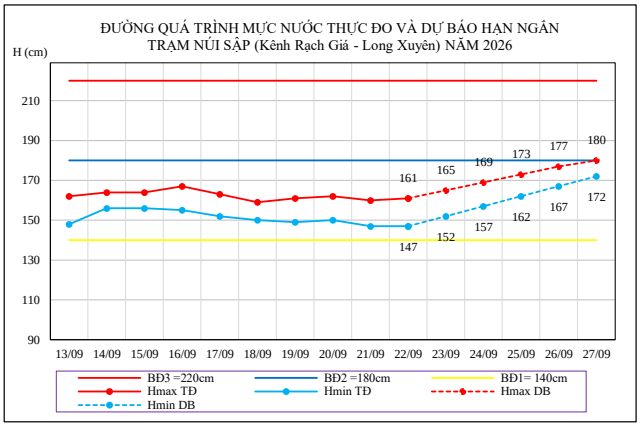
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM NÚI SẬP (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =220cm
BĐ2 =180cm
BĐ1= 140cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

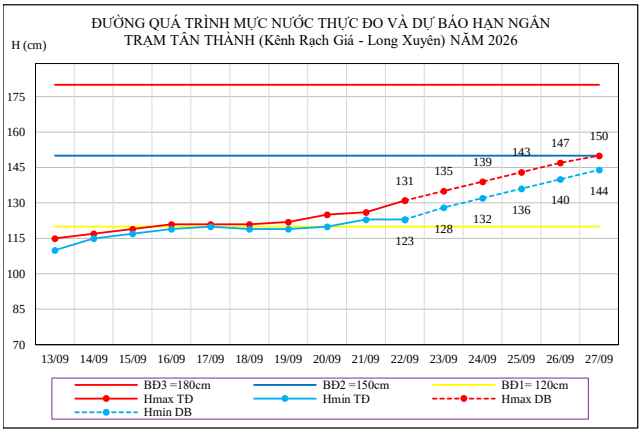
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM TÂN THÀNH (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =180cm
BĐ2 =150cm
BĐ1= 120cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

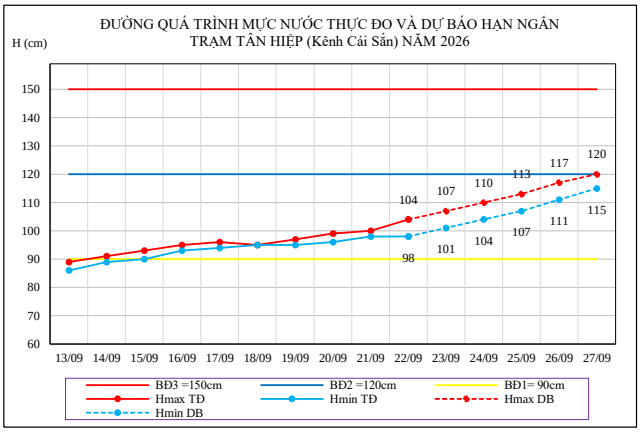
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM TÂN HIỆP (Kênh Cái Sắn) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =150cm
BĐ2 =120cm
BĐ1= 90cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

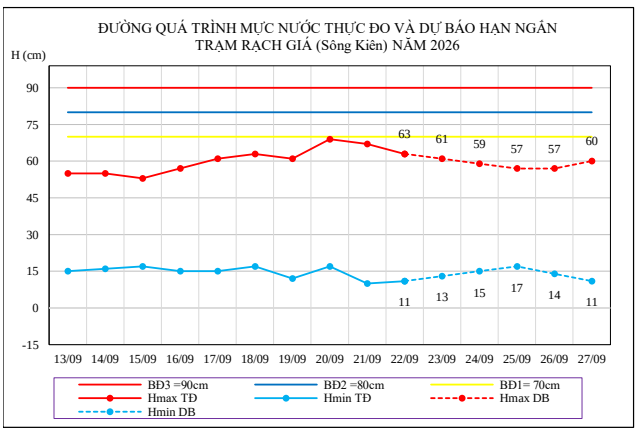
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM RẠCH GIÁ (Sông Kiên) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =90cm
BĐ2 =80cm
BĐ1= 70cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

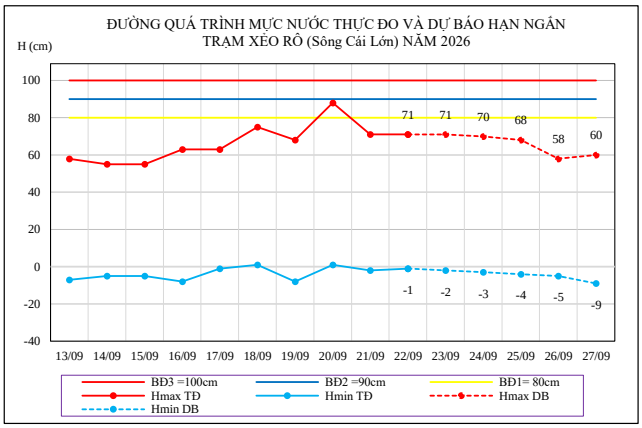
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM XẺO RÔ (Sông Cái Lớn) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =100cm
BĐ2 =90cm
BĐ1= 80cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB